

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2024		DỰ TOÁN NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		(năm hiện hành)		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
		THU NSNN	THU NSX				
A	B	1	2	3	4		
	Tổng số thu	67.890,8	53.392,9	98.939,0	89.854,0	145,7	168,3
I	Thu nội địa	23.752,3	9.254,4	10.930,0	1.845,0	46,0	19,9
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý						
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	8.124,9	1.687,6	2.730,0	711,0	33,6	42,1
5	Thuế thu nhập cá nhân	68,8	0,0	1.090,0	0,0	1.584,3	
6	Thuế Bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	271,9	267,8	3.470,0	136,0	1.276,2	50,8
8	Phí, lệ phí	173,4	171,4	500,0	50,0	288,4	29,2
9	Thuế SDD phi nông nghiệp	17,0	17,0			0,0	0,0
10	Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	2.258,5	687,8	210,0	63,0	9,3	9,2
11	Thu tiền sử dụng đất	12.789,5	6.394,8	2.900,0	855,0	22,7	13,4
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, sử dụng khu vực						
14	Thu khác ngân sách	48,4	28,0			0,0	0,0
15	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác			30,0	30,0		
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	4.122,1	4.122,1	2.939,0	2.939,0	71,3	71,3
	Thu chuyển nguồn	4.122,1	4.122,1	2.939,0	2.939,0	71,3	71,3
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	29,3	29,3	48,8	48,8	166,4	166,4
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	39.987,2	39.987,2	85.021,2	85.021,2	212,6	212,6
1	Thu bổ sung cân đối	16.439,7	16.439,7	79.225,0	79.225,0	481,9	481,9
2	Thu bổ sung có mục tiêu	23.547,5	23.547,5	5.796,2	5.796,2	24,6	24,6

[REDACTED]